

# Inspiron 15

7000 Series

## Quick Start Guide

Stručná úvodní příručka

Skrócona instrukcja uruchomienia

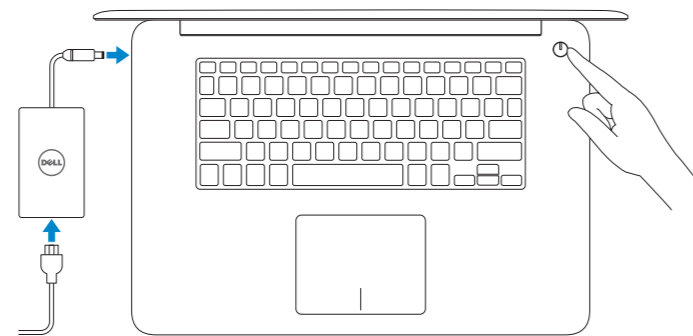
Hướng Dẫn Bắt Đầu Nhanh

### 1 Connect the power adapter and press the power button

Připojte napájecí adaptér a stiskněte vypínač

Podłącz zasilacz i naciśnij przycisk zasilania

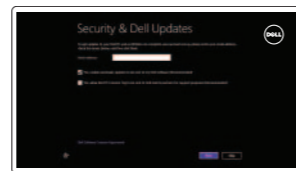
Kết nối với bộ chuyển đổi nguồn điện và nhấn nút nguồn



### 2 Finish Windows setup

Dokončete nastavení v systému Windows | Skonfiguruj system Windows

Hoàn tất cài đặt Windows



#### Enable security and updates

Aktivujte zabezpečení a aktualizace

Włącz zabezpieczenia i aktualizacje

Bật tính năng bảo mật và cập nhật



#### Connect to your network

Připojte se k síti

Nawiąż połączenie z siecią

Kết nối vào mạng của bạn

**NOTE: If you are connecting to a secured wireless network, enter the password for the wireless network access when prompted.**

**POZNÁMKA:** Pokud se připojíte k zabezpečené bezdrátové síti, na vyzvání zadejte heslo pro přístup k dané bezdrátové síti.

**UWAGA:** Jeśli nawiązujesz połączenie z zabezpieczoną siecią bezprzewodową, wprowadź hasło dostępu do sieci po wyświetleniu monitu.

**LƯU Ý:** Nếu bạn đang kết nối với một mạng không dây bảo mật, hãy nhập mật khẩu để truy cập mạng không dây khi được nhắc.



#### Sign in to your Microsoft account or create a local account

Přihlaste se k účtu Microsoft nebo si vytvořte místní účet

Zaloguj się do konta Microsoft albo utwórz konto lokalne

Đăng nhập vào tài khoản Microsoft của bạn và tạo tài khoản trên máy tính

### Locate your Dell apps

Umístění aplikací Dell | Odszukaj aplikacje Dell

Xác định vị trí các ứng dụng Dell của bạn



#### Register your computer

Registrace počítače | Zarejestruj komputer

Đăng ký máy tính của bạn



#### Dell Backup and Recovery

Dell Backup and Recovery | Program Dell Backup and Recovery

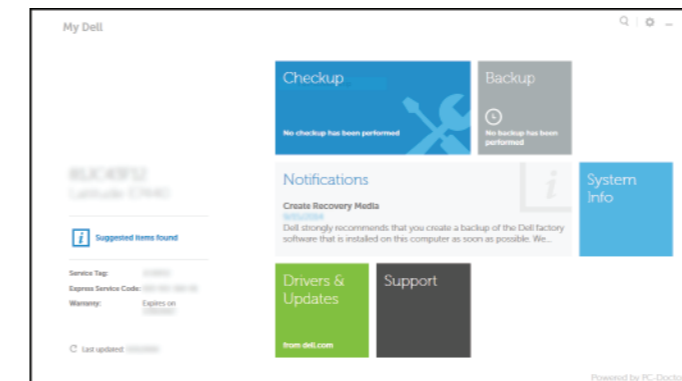
Sao lưu và Phục hồi Dell



#### My Dell

Můj Dell | Mój Dell

Dell của tôi



### Learn how to use Windows

Návod k použití systému Windows | Poznaj system Windows

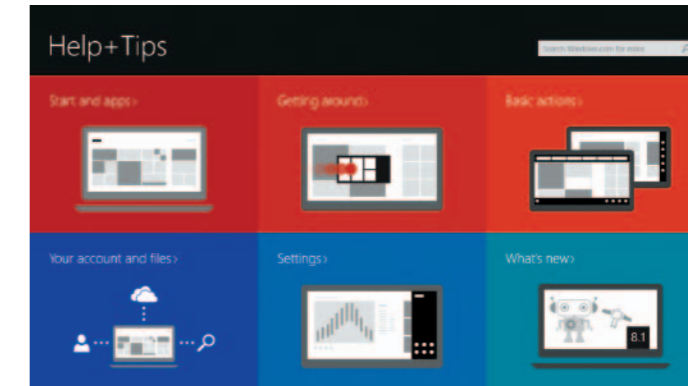
Tìm hiểu cách sử dụng Windows



#### Help and Tips

Rady a nápověda | Pomoc i porady

Trợ giúp và Mẹo



#### Product support and manuals

Podpora a příručky k produktům

Pomoc techniczna i podręczniki

Hỗ trợ sản phẩm và sách hướng dẫn

#### Contact Dell

Kontaktujte společnost Dell | Kontakt z firmą Dell

Liên hệ Dell

#### Regulatory and safety

Regulace a bezpečnost | Przepisy i bezpieczeństwo

Quy định và an toàn

#### Regulatory model

Směrniceový model | Model

Model quy định

#### Regulatory type

Regulační typ | Typ

Loại quy định

#### Computer model

Model počítače | Model komputera

Model máy tính

dell.com/support

dell.com/support/manuals

dell.com/windows8

dell.com/contactdell

dell.com/regulatory\_compliance

P41F

P41F001

Inspiron 7547

Inspiron 7548



Scan to access  
how-to information

Dell.com/QR/Inspiron/15



© 2014 Dell Inc.

© 2014 Microsoft Corporation.



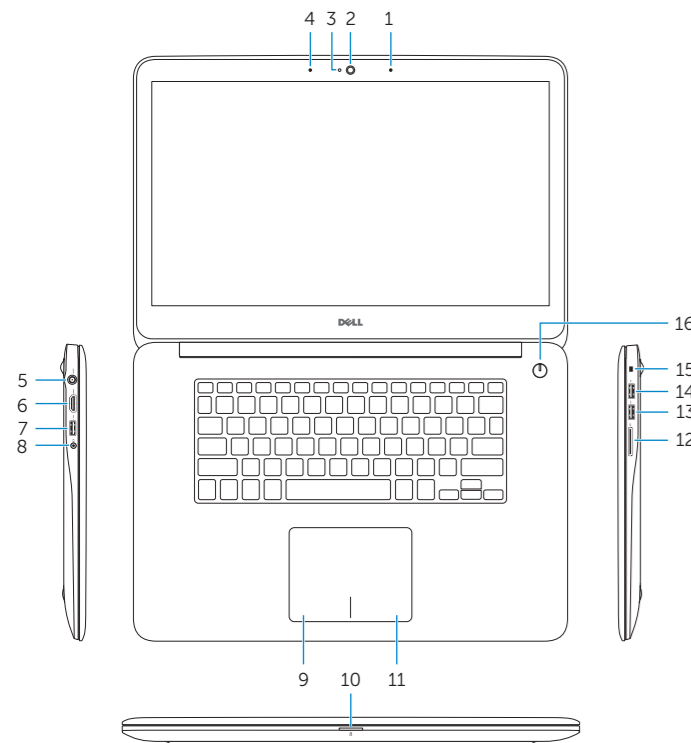
0VMX5GA01

Printed in China.

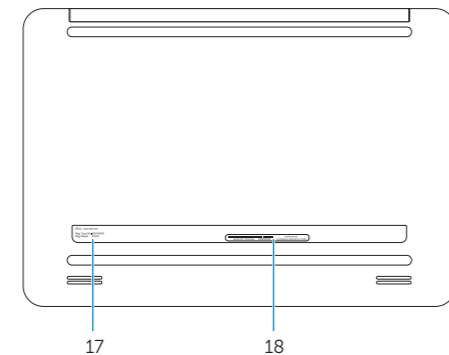
2014-10

# Features

Funkce | Funkcje | Tính năng



- |   |                         |
|---|-------------------------|
| 1. Right microphone                             | 11. Right-click area    |
| 2. Camera                                       | 12. Media-card reader   |
| 3. Camera-status light                          | 13. USB 3.0 port        |
| 4. Left microphone                              | 14. USB 2.0 port        |
| 5. Power-adapter port                           | 15. Security-cable slot |
| 6. HDMI port                                    | 16. Power button        |
| 7. USB 3.0 port with PowerShare                 | 17. Regulatory label    |
| 8. Headset port                                 | 18. Service Tag label   |
| 9. Left-click area                              |                         |
| 10. Power, battery, and hard-drive status light |                         |



- |   |                                |
|---|--------------------------------|
| 1. Právý mikrofon                                     | 11. Oblast pravého kliknutí    |
| 2. kamera   | 12. Čtečka paměťových karet    |
| 3. Indikátor stavu kamery                             | 13. Port USB 3.0               |
| 4. Levý mikrofon                                      | 14. Port USB 2.0               |
| 5. Port adaptéru napájení                             | 15. Slot bezpečnostního kabelu |
| 6. Port HDMI  | 16. Vypínač                    |
| 7. Konektor USB 3.0 s technologií PowerShare          | 17. Regulační štítek           |
| 8. Port pro sluchátka                                 | 18. Štítek Service Tag         |
| 9. Oblast levého kliknutí                             |                                |
| 10. Kontrolka stavu napájení, baterie a pevného disku |                                |

- |  |  |
|--|--|
| 1. Mikrofon prawy  | 11. Prawy obszar dotyku                |
| 2. Kamera  | 12. Czytnik kart pamięci               |
| 3. Lampka stanu kamery                                   | 13. Port USB 3.0                       |
| 4. Mikrofon lewy   | 14. Port USB 2.0                       |
| 5. Złącze zasilacza                                      | 15. Gniazdo linki antykradzieżowej     |
| 6. Złącze HDMI   | 16. Przycisk zasilania                 |
| 7. Port USB 3.0 z funkcją PowerShare                     | 17. Etykieta znamionowa                |
| 8. Gniazdo zestawu słuchawkowego                         | 18. Etykieta ze znacznikiem serwisowym |
| 9. Lewy obszar dotyku                                    |  |
| 10. Lampka zasilania, akumulatora i stanu dysku twardego |  |

- |   |                     |
|---|---------------------|
| 1. Micrô phải                               | 11. Vùng nhấp phải  |
| 2. Camera                                   | 12. Khe đọc thẻ nhớ |
| 3. Đèn trạng thái camera                    | 13. Cổng USB 3.0    |
| 4. Micrô trái                               | 14. Cổng USB 2.0    |
| 5. Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện            | 15. Khe cáp bảo vệ  |
| 6. Cổng HDMI                                | 16. Nút nguồn       |
| 7. Cổng USB 3.0 với tính năng PowerShare    | 17. Nhãn quy định   |
| 8. Cổng tai nghe                            | 18. Nhãn Thẻ bảo tr |
| 9. Vùng nhấp trái                           |                     |
| 10. Đèn trạng thái nguồn, pin và ổ đĩa cứng |                     |

# Shortcut keys

Klávesové zkratky | Skrótý klawiaturowe

Phím tắt

- |            |  |
|------------|--|
| <b>F1</b>  | <b>Mute audio</b><br>Ztlumení zvuku   Wyciszenie dźwięku<br>Tắt âm   |
| <b>F2</b>  | <b>Decrease volume</b><br>Snížení hlasitosti   Zmniejszenie głośności<br>Giảm âm lượng   |
| <b>F3</b>  | <b>Increase volume</b><br>Zvýšení hlasitosti   Zwiększenie głośności<br>Tăng âm lượng  |
| <b>F4</b>  | <b>Play previous track or chapter</b><br>Přehrávání předchozí skladby nebo kapitoly<br>Odtwarzanie poprzedniego utworu lub rozdziału<br>Phát bản nhạc hoặc chương trước đó |
| <b>F5</b>  | <b>Play/Pause</b><br>Přehrávání / pozastavení   Odtwarzanie/wstrzymanie<br>Phát/Tạm dừng   |
| <b>F6</b>  | <b>Play next track or chapter</b><br>Přehrávání následující skladby nebo kapitoly<br>Odtwarzanie następnego utworu lub rozdziału<br>Phát bản nhạc hoặc chương kế tiếp      |
| <b>F8</b>  | <b>Switch to external display</b><br>Přepnutí na externí displej   Przelączenie na wyświetlacz zewnętrzny<br>Chuyển đổi sang màn hình hiển thị bên ngoài                   |
| <b>F9</b>  | <b>Launch Search charm</b><br>Ovládací tlačítko Hledání   Otwarcie panelu Wyszukiwanie<br>Khởi chạy nút Search   |
| <b>F10</b> | <b>Toggle keyboard backlight</b><br>Přepnutí podsvícení klávesnice   Przelączenie podświetlenia klawiatury<br>Bật tắt đèn nền bàn phím                                     |
| <b>F11</b> | <b>Decrease brightness</b><br>Snížení jasu   Zmniejszenie jasności<br>Giảm độ sáng   |

- |                           |   |
|---------------------------|---|
| <b>F12</b>                | <b>Increase brightness</b><br>Zvýšení jasu   Zwiększenie jasności<br>Tăng độ sáng   |
| <b>Fn</b> + <b>Esc</b>    | <b>Toggle Fn-key lock</b><br>Přepnutí zámku klávesy Fn   Przelączenie klawisza Fn<br>Bật tắt khóa phím Fn   |
| <b>Fn</b> + <b>PrtScr</b> | <b>Turn off/on wireless</b><br>Zapnutí / vypnutí bezdrátového připojení<br>Włączenie/wyłączenie sieci bezprzewodowej<br>Tắt/mở mạng không dây   |
| <b>Fn</b> + <b>Ctrl</b>   | <b>Launch Application menu</b><br>Spuštění nabídky nastavení   Otwarcie menu aplikacji<br>Khởi chạy menu Ứng dụng   |
| <b>Fn</b> + <b>B</b>      | <b>Pause/Break</b><br>Pause/Break   Klawisz Pause/Break<br>Pause/Break  |
| <b>Fn</b> + <b>H</b>      | <b>Toggle between hard-drive and battery status light</b><br>Přepnutí mezi kontrolkou pevného disku a stavu baterie<br>Przelączenie między lampką zasilania, akumulatora i stanu dysku twardego<br>Chuyển đổi giữa đèn trạng thái ổ đĩa cứng và pin |
| <b>Fn</b> + <b>R</b>      | <b>System Request</b><br>SysRq   Klawisz System Request<br>Yêu cầu hệ thống   |
| <b>Fn</b> + <b>S</b>      | <b>Scroll lock</b><br>Scroll Lock   Klawisz Scroll lock<br>Scroll lock  |
| <b>Fn</b> + <b>Insert</b> | <b>Sleep</b><br>Režim spánku   Uśpienie<br>Chế độ Ngủ   |

**NOTE:** For more information, see *Specifications at dell.com/support*.  
**POZNÁMKA:** Další informace naleznete v části *Specifikace* na webu [dell.com/support](http://dell.com/support).  
**UWAGA:** Aby uzyskać więcej informacji, patrz *Specyfikacje* na stronie [dell.com/support](http://dell.com/support).  
**LƯU Ý:** Để biết thêm thông tin, hãy xem *Thông số kỹ thuật* tại [dell.com/support](http://dell.com/support).